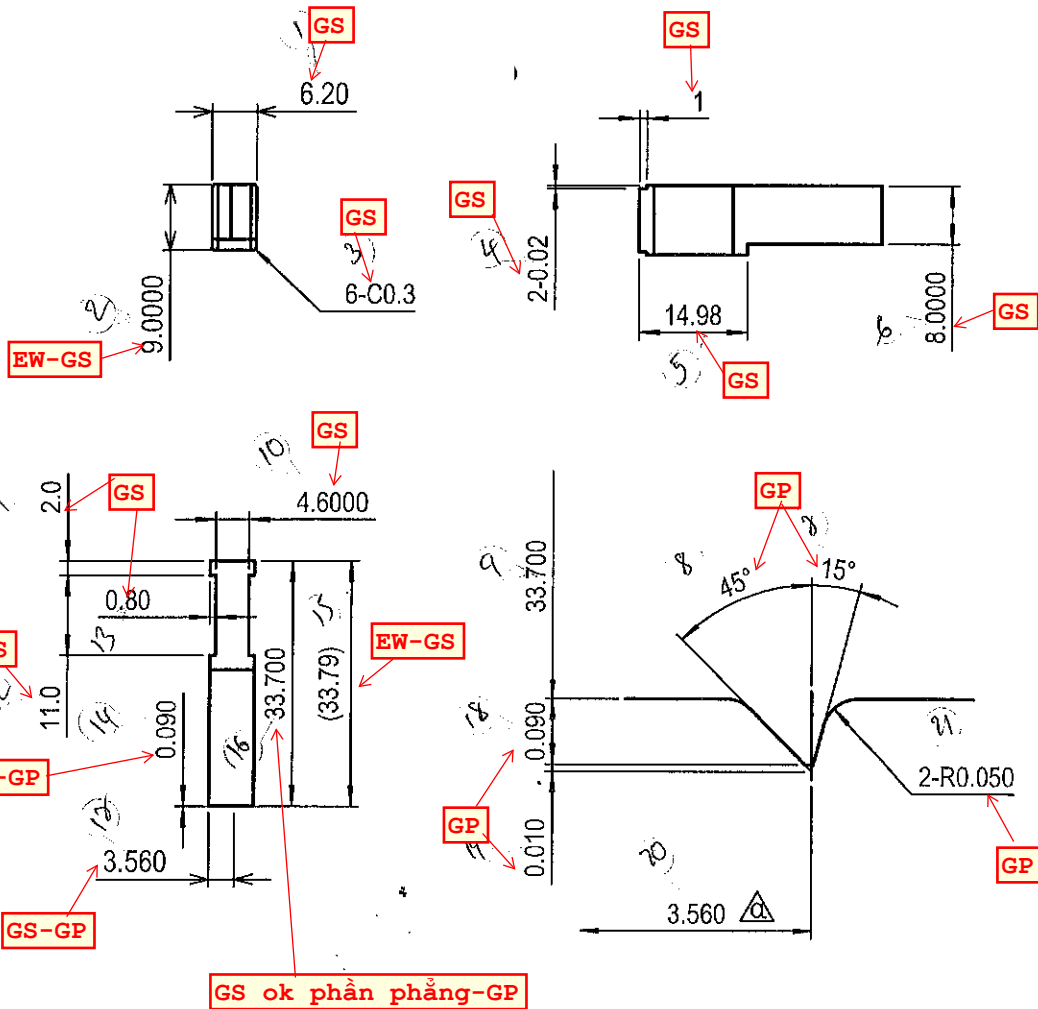


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2021/08/09	新規作成	OPS-2107-007	Wang_Guihua	Wang_Guihua	Wang_wei	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2022/08/06	金型檢收變更		Wang_Guihua	Wang_Guihua	Wang_wei	0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
							0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
									0.0 -0	+0.1 -0
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							▽ (▽▽) G			

EW ra phôi T7*9.5*34.3



SC 2 AN

QC = 911CT

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Wang_Wei	WC(D30/HIP)	1:1	部品図 PART DRAWING	ノッチパンチ NOTCHING PUNCH
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	刻痕冲头 刻痕冲頭
Wang_Guihua	QUENCH&TEMPER	A4V	DATE	DWG.No.
DWN.	HRC ~	A4V	2021/08/09	R428111

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

14 212 0255

SNO: **R428111**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P